

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức nộp tiền khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức nộp tiền khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người sử dụng đất được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa.

Điều 3. Mức nộp tiền khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa

Mức nộp tiền khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa được xác định theo từng xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã), cụ thể như sau:

1. Xã khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025

| | | | | | |
|--------------|---|--|---|---|-------|
| Mức nộp tiền | = | Diện tích đất chuyên trồng lúa phải chuyển sang mục đích phi nông nghiệp | x | Giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất | x 50% |
|--------------|---|--|---|---|-------|

2. Xã khu vực II theo Quyết định số 861/QĐ-TTg

| | | | | | |
|--------------|---|--|---|---|-------|
| Mức nộp tiền | = | Diện tích đất chuyên trồng lúa phải chuyển sang mục đích phi nông nghiệp | x | Giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất | x 60% |
|--------------|---|--|---|---|-------|

3. Xã khu vực I và các xã không phải là xã khu vực III, khu vực II, khu vực I theo Quyết định số 861/QĐ-TTg

| | | | | | |
|--------------|---|--|---|---|-------|
| Mức nộp tiền | = | Diện tích đất chuyên trồng lúa phải chuyển sang mục đích phi nông nghiệp | x | Giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất | x 70% |
|--------------|---|--|---|---|-------|

Điều 4. Điều khoản thi hành

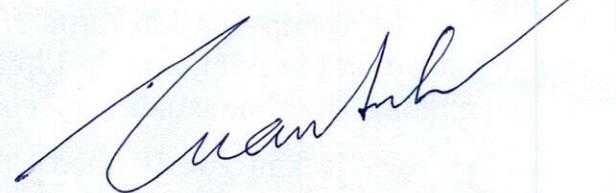
- Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 12 năm 2024.
- Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Gia Lai.
- Trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định này, nếu có phát sinh vướng mắc hoặc có phát sinh vấn đề mới, các địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.
- Trường hợp văn bản viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản mới.

5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở; thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: K

- Nhu khoản 5 Điều 4;
- Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Báo Gia Lai; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh Gia Lai;
- Lưu: VT, CNXD, NL, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Anh